



# NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ THUỘC ĐẠI HỌC HUẾ VỀ CHUẨN ĐẦU RA NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Hồng Duyên\*

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt.** Trên cơ sở thực hiện mục tiêu của Đề án ngoại ngữ Quốc gia nhằm đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ, chương trình dạy và học ngoại ngữ mới được triển khai ở các cấp học với nhiều mục tiêu cụ thể mà trong đó chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 (tương đương B1-CEFR) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam được đặt ra cho nhóm sinh viên ngoại ngữ không chuyên Đại học Huế như là điều kiện để tốt nghiệp. Bài báo này trình bày những kết quả thông qua bảng hỏi và phỏng vấn trong nghiên cứu về nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh cũng như những khó khăn sinh viên gặp phải để đạt được chuẩn đầu ra này. Kết quả cho thấy sinh viên, về cơ bản, nhận thức rằng chuẩn đầu ra bậc 3 được thể hiện qua các kết quả kiểm tra đánh giá hơn là qua các đặc tả cụ thể trong từng nhóm kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, nghiên cứu cũng trình bày những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học để đạt chuẩn đầu ra và những đề xuất giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về chuẩn đầu ra cũng được đề cập.

**Từ khóa:** nhận thức, chuẩn đầu ra, sinh viên không chuyên ngữ

## 1. Đặt vấn đề

Quyết định 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008–2020” (sau đây được gọi là Đề án ngoại ngữ quốc gia) đã được ban hành với nhiều công văn hướng dẫn thực hiện, trong đó có các văn bản quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ dành cho sinh viên đại học, cụ thể là sinh viên học ngoại ngữ không chuyên, phải đạt bậc 3 (tương đương B1-CEFR) [6]. Quy định mới này đã gây ra không ít khó khăn cho sinh viên không chuyên ngữ trong việc hướng đến mục tiêu đạt chuẩn khi các em chỉ được học 105 giờ trên lớp tương đương với 7 tín chỉ. So với thời lượng phù hợp để sinh viên có thể đạt bậc 3 là 350 đến 400 giờ trên lớp [10] thì thời lượng trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là hạn chế. Sự hạn chế về mặt thời lượng này cũng ảnh hưởng đến việc đạt các tiêu chí trong Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam vốn được xem là một sự áp dụng thiếu linh hoạt, mang tính giải pháp từ Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu (CEFR) [16].

\*Liên hệ: nthduyen380@gmail.com

Thống kê của phòng Đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, sau năm năm áp dụng quy định về chuẩn đầu ra (đến ngày 5 tháng 5 năm 2017) cho thấy số sinh viên đạt chuẩn đầu ra chiếm tỷ lệ thấp (48,3%) vì nhiều lý do mà trong đó nhận thức của sinh viên về chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng. Nhận thức rõ về chuẩn đầu ra giúp sinh viên hiểu và có định hướng rõ ràng để đề ra mục tiêu cụ thể trong quá trình học và kiểm tra đánh giá. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên nhận thấy tính hữu dụng của chuẩn đầu ra và có nhận thức tốt về quá trình học để đạt được tiêu chí ban đầu. Sinh viên nhận thấy rõ rằng nhận thức đúng về việc học sẽ giúp họ đạt được chuẩn đầu ra như mong đợi bởi vì giữa nhận thức về việc học và chuẩn đầu ra có mối liên hệ với nhau [9, 21, 22]. Nhận thức tốt về việc học được xem như là yếu tố ảnh hưởng đến kết quả của chuẩn đầu ra [1, 8, 9, 14]. Bên cạnh đó, Brooks cho rằng sinh viên thực sự gặp khó khăn trong việc hiểu rõ nội dung chương trình học, mục đích của chuẩn đầu ra mà họ đang hướng đến để phải đạt được [7]. Do đó, các nội dung mà người dạy truyền tải trong lớp học cần đáp ứng với mong đợi mà người học đặt ra, với chương trình, với mục tiêu để từ đó người học có đủ sự tự tin đi theo tiêu chí ban đầu [22] và vạch rõ được cho mình một chiến lược học hướng đến chuẩn đầu ra [12].

Một số kết quả nghiên cứu trong nước cũng đã cho thấy rằng người học chưa hiểu hoàn toàn về chuẩn đầu ra mà họ phải đạt được; cụ thể là các đặc tả đích của các kỹ năng ngôn ngữ mà người học đạt bậc 3 phải có được khi sử dụng ngôn ngữ, là sự liên kết giữa việc học và kiểm tra đánh giá hướng đến chuẩn đầu ra, hay là khả năng tự duy trì năng lực ngôn ngữ lâu dài [2, 14] và các nhóm kỹ năng và kiến thức cần được xác định ngay từ đầu để có định hướng cụ thể hơn trong quá trình học nhằm đạt chuẩn đầu ra [11]. Cụ thể là kết quả trong các nghiên cứu của Phạm Thị Hồng Nhung [18] và Phạm Thị Tuyết Nhung [20] với khách thể là sinh viên của Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Ngoại ngữ học tiếng Anh không chuyên cho thấy sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh cụ thể với các đặc tả cho bậc 3. Sinh viên tham gia nghiên cứu cho rằng chuẩn đầu ra mà họ phải đạt được đơn giản chỉ là đạt đủ điểm trong kỳ thi cấp chứng chỉ bậc 3. Cũng theo những nghiên cứu này thì sinh viên còn gặp phải một số khó khăn trong đạt chuẩn đầu ra như thời gian để học tiếng Anh cho cả 3 học phần là quá ít, bài kiểm tra đầu ra cho bậc 3 là quá khó và thiếu sự thống nhất giữa nội dung, hình thức học và kiểm tra đánh giá. Có thể nhận thấy rõ mối tương quan giữa nhận thức về chuẩn đầu ra của sinh viên và chuẩn đầu ra mà họ đạt được, nhưng thực tế cho thấy số lượng các nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề này còn rất hạn chế và các nghiên cứu trong nước thì cũng chỉ tập trung nghiên cứu sinh viên ở từng nhóm ngành riêng lẻ.

Vì vậy, trong bối cảnh việc dạy và học ngoại ngữ không chuyên để đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu đang còn gặp nhiều khó khăn, nghiên cứu này được thực hiện đối với nhóm sinh viên tất cả các ngành của Đại học Huế nhằm (1) tìm hiểu xem sinh viên có nhận thức gì về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh bậc 3; (2) sinh viên có khó khăn gì trong đạt chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh. Từ đó, kiến nghị được đề xuất nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về

chuẩn đầu ra và vượt qua được những khó khăn trong quá trình học để đạt chuẩn đầu ra này. Cụ thể, nghiên cứu này nhằm tìm câu trả lời cho hai câu hỏi sau:

1. Sinh viên không chuyên ngữ có nhận thức như thế nào về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh bậc 3?
2. Sinh viên không chuyên ngữ gặp phải những khó khăn gì để đạt được chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh bậc 3?

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh bậc 3 dành cho sinh viên không chuyên ngữ

Chuẩn đầu ra thường được mô tả gói gọn lại trong điểm số mà người học đạt được sau khi được kiểm tra đánh giá vào cuối mỗi quá trình học; tuy nhiên, kết quả thông qua điểm số đôi khi không thể phản ánh được chính xác những gì giáo viên định dạy và sinh viên muốn học [22 - 24]. Trên một phương diện khác, chuẩn đầu ra mô tả chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần có được sau khi hoàn thành một chương trình học, hoặc một giai đoạn trong một chương trình. Hiểu một cách chi tiết hơn thì chuẩn đầu ra năng lực là những gì người học mong đợi sẽ biết, hiểu và có thể làm ở cuối một quá trình học tập [12]; hay chuẩn đầu ra là “những gì người học biết hoặc có thể làm nhờ quá trình học tập” [17].

Chuẩn đầu ra được chi tiết hóa trong mỗi đề cương chi tiết cho một học phần ngôn ngữ thông qua các đặc tả cụ thể ở từng nhóm kỹ năng để từ đó sinh viên có thể xác định được mục tiêu cụ thể cần hướng đến, cụ thể là chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 được quy định cho sinh viên không chuyên ngữ như sau:

- **Nói:** Hiểu và sử dụng các cấu trúc đơn giản và cơ bản để hỏi và trả lời các câu hỏi trong nhiều tình huống khác nhau trong giao tiếp hằng ngày như:

Có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác.

Có khả năng thu xếp các cuộc gặp, hỏi xin giúp đỡ, đưa ra gợi ý, xin phép, cho lời khuyên.

Nói chuyện qua điện thoại với những người họ biết.

Đưa ra những chỉ dẫn về các chủ đề quen thuộc khác nhau liên quan đến điều họ quan tâm.

Giải thích ngắn gọn và biện minh cho các quan điểm của mình.

Trình bày một bài giới thiệu ngắn được chuẩn bị sẵn về một lĩnh vực quen thuộc và trả lời các câu hỏi rõ ràng.

- **Nghe:**

Hiểu những đoạn hội thoại, những mẫu thông tin ngắn tại sân bay, nhà ga, hay những câu nói xã giao đơn giản, v.v.

Hiểu những ý chính trong những bản thông báo.

Hiểu những ý chính của những bài phát biểu chuẩn, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc hằng ngày, với điều kiện thỉnh thoảng phải có cơ hội nghe lặp lại hoặc được làm rõ.

Theo kịp các đoạn nói chuyện ngắn được nói một cách rõ ràng và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc.

Hiểu một số thông tin kỹ thuật đơn giản, ví dụ như các hướng dẫn vận hành của một số thiết bị quen thuộc.

- **Viết:**

Viết các văn bản ngắn, dễ hiểu về các chủ đề quen thuộc.

Viết các thư trang trọng đơn giản để xin hay cung cấp các thông tin đơn giản.

Viết về bản thân như công việc, sở thích và những kỹ năng của bản thân.

- **Đọc:**

Hiểu những điểm chính trong những mẫu tin tức ngắn, quảng cáo và các bài miêu tả.

Hiểu các ý chính của những đoạn văn đơn giản thực tế về các đề tài cá nhân hay nghề nghiệp một cách đầy đủ để có thể nói về chúng sau đó.

Tìm thấy và hiểu những thông tin cần thiết ở các tờ rơi, mẫu quảng cáo và các văn bản ngắn liên quan đến mối quan tâm của họ.

Hiểu các ý chính trong các bài viết ngắn trên báo hay tạp chí về các chủ đề đương thời và quen thuộc.

Những đặc tả đầu ra cho bốn kỹ năng ngoại ngữ trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho người Việt Nam làm cơ sở cho (1) giáo viên lựa chọn chương trình và các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp; (2) sinh viên nắm các chuẩn đầu ra cần đạt được để chủ động trong quá trình học cũng như xây dựng chiến lược học cụ thể hướng đến đạt chuẩn đầu ra [7, 12, 17].

## **2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc đạt được chuẩn đầu ra cho sinh viên không chuyên ngữ**

Nhiều nghiên cứu về chuẩn đầu ra năng lực ngôn ngữ cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc đạt chuẩn đầu ra năng lực ngôn ngữ. Có hai nhóm yếu tố ảnh hưởng liên quan đến đặc điểm cá nhân người học và đặc điểm môi trường học tập. Nhóm liên quan đến cá nhân người học bao gồm năng lực ngôn ngữ, phong cách học và động cơ học tập; nhóm liên quan đến môi trường học tập gồm nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá [14].

Các nghiên cứu về việc học của sinh viên cho thấy phương pháp học tập phù hợp sẽ giúp sinh viên đạt kết quả học tập tốt và quyết định đến chất lượng của chuẩn đầu ra [7, 22]. Ngoài ra, động cơ học tập gồm nhu cầu được học và thái độ tích cực đối với việc học [11, 12, 17] cũng được xem là những yếu tố tích cực góp phần dẫn đến sự thành công cho người học [14]. Sự hài lòng về môi trường học tập sẽ hình thành động cơ học tập trong mỗi cá nhân và từ đó là nhân tố quan trọng hướng sinh viên đến đạt chuẩn đầu ra [13].

Liên quan đến nhóm môi trường học tập, các nghiên cứu cho rằng nội dung chương trình được xây dựng logic, dễ hiểu sẽ mang đến cho người sử dụng sự hài lòng và từ đó đạt được chuẩn đầu ra như mong đợi. Các hoạt động kiểm tra, đánh giá phù hợp với những mục tiêu đề ra trong chương trình đào tạo có ảnh hưởng lớn đến phương pháp học tập của sinh viên [7, 12], rồi từ đó phương pháp học tập này sẽ ảnh hưởng đến việc đạt chuẩn đầu ra. Chính vì vậy sự nhất quán trong chương trình và kiểm tra đánh giá sẽ giúp định hình các mục tiêu mà chuẩn đầu ra cần đạt được.

## **2.3. Thực tế đào tạo ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên Đại học Huế**

Đề án ngoại ngữ quốc gia do Thủ tướng chính phủ phê duyệt [4] đã đặt ra chuẩn đầu ra cho người học ở từng cấp độ cụ thể khác nhau nhằm đạt được mục tiêu lâu dài nhằm đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2025 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2025 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để đạt được những mục tiêu đó thì chương trình đào tạo không chuyên ngữ tại các cơ sở giáo dục đại học phải có mức kiến thức đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam sau khi tốt nghiệp bậc học [4].

Trong số 140 tín chỉ được quy định cho một chương trình đào tạo trình độ đại học thì có 7 tín chỉ được dành cho học phần ngoại ngữ không chuyên. Bảy tín chỉ với 15 tiết/tín chỉ bao gồm 105 tiết học (50 phút/tiết) để sinh viên được học ngoại ngữ và đạt được chuẩn đầu ra bậc 3 theo quy định. Bảy tín chỉ này được chia ra làm ba học phần trong đó học phần đầu tiên – tiếng Anh bậc 1 (hai tín chỉ), tiếp đến là học phần tiếng Anh bậc 2 (hai tín chỉ) và cuối cùng là học phần tiếng Anh bậc 3 (ba tín chỉ). Sinh viên của tám trường đại học và hai khoa thành viên của Đại học Huế được tham gia kỳ thi xếp lớp trước khi chính thức học học phần đầu tiên.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đại học Huế đã có công văn quy định sinh viên của tám trường và hai khoa tuyển sinh năm 2013 và tốt nghiệp từ năm 2017 phải đạt chuẩn đầu ra bậc 3 [5]. Để đạt được mục tiêu này, một số đổi mới liên quan đến nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá đã được thực hiện. Theo thống kê của phòng Đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, sau nhiều đợt thi đánh giá năng lực ngoại ngữ không chuyên tổ chức tại trường từ 7/2015 đến 5/2017 thì tỉ lệ đạt bậc 3 trung bình cho sinh viên toàn Đại học Huế thấp hơn 50%. Như vậy, theo quy định do Đại học Huế ban hành năm 2012, chỉ gần một nửa số sinh viên của khóa đào tạo này đạt chuẩn đầu ra yêu cầu và có thể tốt nghiệp. Đứng trước thách thức này, Đại học Huế ban hành quyết định hạ chuẩn đầu ra cho sinh viên. Theo đó, tất cả các sinh viên tốt nghiệp năm 2017 chỉ cần đạt chuẩn đầu ra bậc 2. Công văn này trước mắt chỉ là một bước duỗi nhằm làm giảm sức ép trong lộ trình đặt ra cho các bên liên quan chứ không tháo gỡ được nút thắt vì sau đó các khóa đào tạo từ năm 2018 vẫn phải đạt chuẩn bậc 3 theo như quy định ban đầu.

#### **2.4. Chính sách kiểm tra đánh giá ngoại ngữ không chuyên**

Trường Đại học Ngoại ngữ phụ trách tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên thuộc Đại học Huế theo quyết định trong đó nêu rõ trình độ ngoại ngữ không chuyên là yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên để tốt nghiệp ngành đào tạo. Chứng nhận ngoại ngữ do trường Đại học ngoại ngữ cấp là căn cứ để các đơn vị xét trình độ ngoại ngữ không chuyên [5].

Căn cứ vào Quyết định này, Trường Đại học Ngoại ngữ đã ban hành các quy định về kiểm tra, đánh giá cho sinh viên chính quy học ngoại ngữ không chuyên tại Trường Đại học Ngoại ngữ Huế. Cụ thể:

Đối với cả ba học phần Tiếng Anh A1, A2 và B1, điểm quá trình là điều kiện để sinh viên dự thi hết cấp độ, không được tính vào kết quả thi hết cấp độ. Điểm quá trình bao gồm các cột điểm chuyên cần – hệ số 1, điểm tự học – hệ số 2 (giáo viên tự ra bài dựa trên nội dung học tại lớp và có thu bài chấm) và điểm kiểm tra giữa kỳ – hệ số 2 (giáo viên phụ trách tự soạn đề dựa trên định dạng đã được quy định đối với mỗi cấp độ). Điểm quá trình tối đa là 100 điểm. Sinh viên đạt từ 50 điểm trở lên sẽ đủ điều kiện dự thi hết cấp độ.

Kỳ thi hết cấp độ được áp dụng với học phần Tiếng Anh A1 và Tiếng Anh A2. Bài thi hết cấp độ A1 và A2 có bốn kỹ năng: Nói (thi tại lớp) và Nghe, Đọc, Viết. Sinh viên sau khi đạt cấp độ A1 và A2, và điểm quá trình của học phần Tiếng Anh B1 không dưới 50 điểm thì đủ điều kiện đăng ký tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ không chuyên để lấy chứng nhận nội bộ làm điều kiện xét tốt nghiệp.

Kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ dành cho sinh viên học ngoại ngữ không chuyên được thi trên máy tính. Đề thi gồm bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Trong đó, kỹ năng Nghe và Nói tối đa là 20 điểm cho mỗi kỹ năng, kỹ năng Đọc và Viết tối đa 30 điểm cho mỗi kỹ năng. Sinh viên đạt cấp độ và được cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ nội bộ nếu tổng điểm bốn kỹ năng không dưới 50 điểm và điểm mỗi kỹ năng không dưới 1/3 số điểm tối đa của kỹ năng đó (cụ thể Nghe và Nói không dưới 7 điểm, Đọc và Viết không dưới 10 điểm).

### **3. Phương pháp**

#### **3.1. Công cụ nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng bảng câu hỏi cho sinh viên để tìm hiểu về nhận thức về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh và những khó khăn sinh viên gặp phải để đạt chuẩn đầu ra năng lực ngôn ngữ này. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên phương pháp nghiên cứu của Forbes [13] và Walker [24]. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế chủ yếu dưới dạng câu hỏi mở nhằm thu thập ý kiến, quan điểm của sinh viên, tránh ảnh hưởng của nhận định từ phía người nghiên cứu. Vì khách thể nghiên cứu của Forbes và Walker đều không phải là sinh viên các ngành ngôn ngữ nên một vài câu hỏi trong bảng hỏi đã được lược bỏ và thay đổi cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu trong bài báo này, cụ thể là sinh viên học tiếng Anh không chuyên ngữ. Nội dung khảo sát tập trung vào các mục sau:

Vai trò của chuẩn đầu ra đối với sinh viên

Mô tả chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh

Nội dung chương trình học đạt chuẩn đầu ra

Những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học hướng đến đạt chuẩn

Phòng vấn bán cấu trúc cũng được thực hiện nhằm thu thập thêm thông tin chi tiết về các vấn đề chưa được làm rõ trong bảng câu hỏi. Các câu hỏi phỏng vấn là những câu hỏi mở và được xây dựng dựa trên những thông tin thu được từ bảng hỏi nhưng chưa được làm rõ.

Câu trả lời của sinh viên cho các câu hỏi mở và câu hỏi phỏng vấn được thống kê và phân loại theo các chủ đề theo phương pháp mã hóa nội dung để xác định các nội dung liên

quan đến câu hỏi nghiên cứu. Trên cơ sở đó thì dữ liệu thu được từ bảng hỏi sẽ được phân tích và dữ liệu thu được từ phỏng vấn sẽ được bổ sung ngay sau mỗi vấn đề cần làm rõ [15].

### 3.2. Khách thể nghiên cứu

Hai trăm mười lăm sinh viên không chuyên ngữ của tám trường và hai khoa thành viên thuộc Đại học Huế đang theo học các lớp học phần tiếng Anh B1 tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế trong học kỳ I năm học 2018–2019 được lựa chọn để tham gia trả lời các câu hỏi cho bảng hỏi và 20 sinh viên trong 215 số sinh viên tham gia trả lời bảng hỏi được mời tham gia phỏng vấn cho nghiên cứu này.

## 4. Kết quả và thảo luận

Kết quả nghiên cứu được trình bày và thảo luận ở hai nhóm nội dung chính gồm một là nhận thức của sinh viên về chuẩn đầu ra mà cụ thể là vai trò của chuẩn đầu ra, mô tả về chuẩn đầu ra và nội dung chương trình học hướng đến đạt chuẩn và hai là những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học hướng đến đạt chuẩn.

### 4.1. Nhận thức của sinh viên về chuẩn đầu ra

Kết quả nghiên cứu về nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho thấy trong tất cả các câu trả lời thì sinh viên đều đề cập chuẩn đầu ra là B1 đầu tiên thay vì dùng khái niệm ‘bậc 3’. Kết quả này là do ngay từ đầu khi ban hành yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo Quyết định 1400 [4], Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu được sử dụng làm khung tham chiếu. Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho người Việt Nam được ban hành sau đó quy định trình độ bậc 3 tương ứng với B1 (Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu) [6].

Kết quả được phân thành các nhóm: vai trò, mô tả và nội dung chương trình đạt chuẩn đầu ra, cụ thể như sau:

Thứ nhất, 93% sinh viên tham gia nghiên cứu đều nhận thức được rằng đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 là rất cần thiết với mục tiêu trước mắt là một môn học bắt buộc vì là điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp và 75% với mục tiêu lâu dài là để kiếm được việc làm tốt trong tương lai. Một sinh viên tham gia phỏng vấn chia sẻ rằng:

*B1 tiếng Anh rất quan trọng vì nếu không đạt được B1 thì em không thể nhận bằng và nếu không có bằng thì không thể xin việc làm (SV6).*

Một sinh viên khác có cái nhìn xa hơn:

*Tiếng Anh B1 là rất cần thiết để cho em có thể tốt nghiệp ra trường, nhưng quan trọng hơn là nó có thể giúp em tìm kiếm được một công việc tốt trong tương lai, sau khi ra trường (SV8).*



Thứ hai, 97% sinh viên tham gia nghiên cứu khi được hỏi họ cần đạt được chuẩn đầu ra nào khi hoàn thành chương trình tiếng Anh cơ bản thì họ đều trả lời một cách ngắn gọn rằng đó là chuẩn đầu ra B1. Kết quả này cho thấy sinh viên chỉ nắm được chung chung chuẩn đầu ra mà mình cần đạt và theo họ thì để đạt được chuẩn đầu ra này, họ chỉ cần vượt qua bài thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh B1 và đạt thang điểm quy định. Kết quả này tương đồng với kết quả của Phạm Thị Hồng Nhung [18] và Phạm Thị Tuyết Nhung [20].

Kết quả này được làm rõ từ thông tin phỏng vấn như sau:

*Chuẩn đầu ra mà sinh viên bọn em cần đạt được là trình độ tiếng Anh B1 và muốn đạt được B1 thì phải thi (SV1).*

*Em phải thi đậu B1 để đạt chuẩn đầu ra B1 (SV5).*

Câu trả lời khi được đề nghị ghi rõ các mô tả cụ thể cho chuẩn tiếng Anh B1 ở từng kỹ năng ngôn ngữ cụ thể được thu thập và lọc theo câu trả lời chung nhất và được liệt kê ở Bảng 1.

**Bảng 1.** Nhận thức của sinh viên về các đặc tả cho bốn kỹ năng tiếng Anh bậc 3

<i>Kỹ năng</i>	<i>Sinh viên có thể:</i>
<b>Nghe</b>	Nghe tốt; Nghe và hiểu được nội dung trong tình huống giao tiếp trong một đoạn hội thoại; Nghe thành thạo kiến thức của phần nghe B1.
<b>Nói</b>	Nói như người bản ngữ; Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; Phát âm chuẩn; Giao tiếp được; Nói lưu loát; Trình bày một bài giới thiệu ngắn.
<b>Đọc</b>	Đọc đúng; Đọc hiểu nội dung của bài và trả lời đúng câu hỏi liên quan đến bài đọc; Có vốn từ vựng tốt; Nhớ từ vựng; Đọc hiểu các văn bản.
<b>Viết</b>	Viết không sai chính tả; Viết tốt; Viết đúng ngữ pháp, đúng từ vựng; Viết đúng cấu trúc được yêu cầu; Viết được một bài văn; Viết được một bức thư ngắn (email).

Trên cơ sở đối chiếu câu trả lời của sinh viên ở Bảng 1 và nội dung mô tả cho các đặc tả chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 được đề cập ở phần 2.1 thì có thể thấy sinh viên có nhận thức chưa đầy đủ về các đặc tả cho từng kỹ năng ngôn ngữ ở tiếng Anh bậc 3 mà sinh viên cần đạt được. Có thể thấy sinh viên chỉ có thể liệt kê các yêu cầu rất chung chung. Cụ thể như, đối với kỹ năng Nghe, sinh viên chỉ có thể đưa ra là “*nghe tốt, nghe thành thạo kiến thức B1*” hay Đọc là “*đọc hiểu các văn bản*” mà không thể chỉ rõ kiến thức hay kỹ năng tương ứng với bậc 3 ở đây cụ thể là gì và các nhóm văn bản nào. Khác với hai kỹ năng Nghe và Đọc, các đặc tả cung cấp cho kỹ năng Nói và Viết có phần được mô tả chi tiết và sát hơn; cụ thể sinh viên có thể “*trình bày một đoạn văn ngắn*” hay “*viết một bức thư*”, “*viết đúng cấu trúc được yêu cầu*”. Theo kết quả phỏng vấn, sinh viên chia sẻ rằng họ có thể nắm rõ chuẩn đầu ra cho hai kỹ năng Nói và Viết được miêu tả ở các đặc tả là vì giảng viên tập trung nhấn mạnh nội dung này khá kỹ trên lớp và hai nội dung này được thể hiện khá rõ trong phần kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ. Cụ thể, ở phần 2 của đề thi kỹ năng Nói sinh viên được yêu cầu trình bày một chủ đề cho sẵn dựa trên các gợi ý, và tương tự như vậy ở phần 2 của đề thi kỹ năng Viết, sinh viên cũng được yêu cầu viết một bức thư ngắn dựa trên ba gợi ý cho sẵn. Hai nội dung này được xuất hiện trong đề kiểm tra giữa kỳ và đề thi kết cấp độ ở cả ba học phần tiếng Anh A1, A2 và B1 nên sinh viên có thể ghi nhớ là điều dễ hiểu.

Thứ ba là, để đạt được chuẩn đầu ra bậc 3, kết quả thu được cho thấy 75% sinh viên cho rằng họ cần hoàn thành chương trình học với 45 tiết học trên lớp cho 10 đơn vị bài học. Một sinh viên chia sẻ:

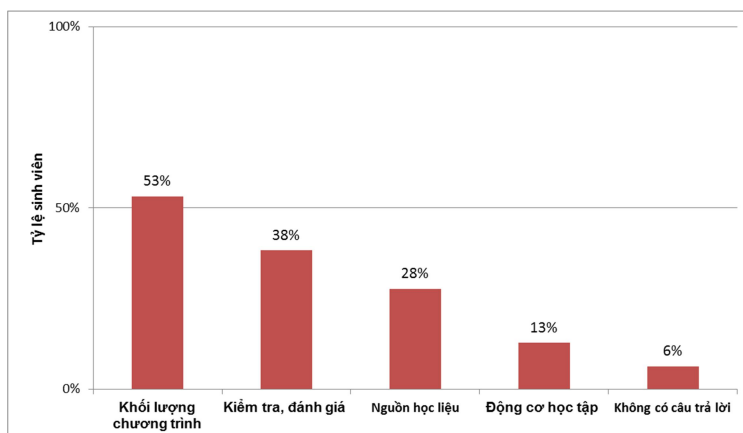
*Học xong học phần tiếng Anh B1 này là đạt chuẩn đầu ra B1 thôi.*

Ngoài việc hoàn thành 45 tiết học trên lớp thì sinh viên cần phải hoàn thành các nội dung kiểm tra trên lớp để đảm bảo đạt được điểm quá trình theo yêu cầu về kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết học phần như đảm bảo chuyên cần, tham gia làm bài tập tự học và bài kiểm tra giữa kỳ. Như vậy, có thể thấy sinh viên nhận thức khá đơn giản về chuẩn đầu ra bậc 3 khi cho rằng học xong nội dung chương trình quy định cho chuẩn đầu ra là có thể đạt bậc 3 mà không quan tâm cụ thể sau khi học xong nội dung trong giáo trình thì sinh viên có thể đạt được những đặc tả nào cho từng kỹ năng ngôn ngữ.

Tóm lại, kết quả cho thấy sinh viên nhận thức rõ về vai trò của chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo của họ ở bậc đại học. Tuy nhiên, sinh viên lại chưa nhận thức đầy đủ về khái niệm, đặc tả cụ thể cho từng kỹ năng quy định cho chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 dù thực tế cho thấy các nội dung này đã được truyền đạt đến tất cả các nhóm lớp học phần tiếng Anh B1 ngay từ buổi học đầu tiên. Kết quả này trùng hợp với các kết quả trong nghiên cứu trước đây khi sinh viên cho rằng vượt qua bài thi tiếng Anh bậc 3 là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 [18, 20].

#### 4.2. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải để đạt được chuẩn đầu ra

Trong quá trình học tập để đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, sinh viên gặp phải một số khó khăn. Các khó khăn này được mô tả trong biểu đồ và được liệt kê theo thứ tự từ khó khăn nhiều sinh viên gặp phải nhất đến khó khăn ít sinh viên gặp phải nhất trong Biểu đồ 1.



**Biểu đồ 1.** Khó khăn trong quá trình học để đạt chuẩn đầu ra

Kết quả thu được từ dữ liệu bảng hỏi cho thấy 53% sinh viên tham gia nghiên cứu cho rằng khối lượng chương trình quy định cho học phần tiếng Anh B1 là dài so với thời lượng 45 tiết học. Khối lượng bài học quá nhiều sẽ dẫn đến các hệ quả sau: một là, giáo viên phải cắt bớt nội dung để giảm tải cho sinh viên, giảm bớt áp lực về bài vở [2]; hai là, giáo viên không có thời gian để đưa ra những phản hồi kịp thời giúp sinh viên có điều chỉnh phù hợp và tiến bộ trong quá trình học [3]. Sinh viên cho rằng:

*Bài ở trong sách dài quá nên cô không có thời gian để cho lớp làm bài tập thêm có định dạng giống như bài kiểm tra hoặc bài thi (SV5).*

*Cô nên cung cấp thêm cho bọn em bài tập tương thích với định dạng đề thi B1 để bọn em có thể làm bài thi tốt hơn (SV17).*

*Cô nên dành nhiều thời gian hơn để giúp em rèn luyện kỹ năng nói để em có thể nói lưu loát hơn (SV14).*

Bên cạnh khó khăn liên quan đến nội dung chương trình dài so với thời lượng quy định, khó khăn thứ hai được 38% sinh viên tham gia nghiên cứu đưa ra liên quan đến sự phù hợp của hoạt động kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần với nội dung của chương trình học khi các nghiên cứu đã chứng minh rằng hoạt động kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu đề ra trong chương trình đào tạo có ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập của sinh viên vì sự nhất quán

trong nội dung chương trình học và các hoạt động kiểm tra đánh giá sẽ giúp định hình các mục tiêu mà chuẩn đầu ra cần đạt được [8, 9]. Sinh viên cho rằng nội dung kiểm tra nên phản ánh nội dung được giảng dạy trên lớp, hay có thể hiểu sinh viên nên được kiểm tra những kiến thức mà họ được truyền đạt trên lớp để đo xem họ đã học được những gì. Kết quả này tương quan với nhận định trong nghiên cứu của Walker [24]. Các sinh viên chia sẻ như sau:

*Nội dung mà em được kiểm tra ở bài thi kết thúc học phần không giống như nội dung mà em đã học trên lớp (SV7).*

*Dạng bài tập được học trên lớp khác với dạng bài tập trên đề thi nên em không quen lắm (SV19).*

Khó khăn thứ ba liên quan đến nguồn học liệu. Hai tám phần trăm sinh viên cho rằng họ muốn được tiếp cận với nhiều nguồn ngữ liệu hơn giúp họ nâng cao kỹ năng và đạt kiến thức để làm bài kiểm tra giữa kỳ và tham gia kỳ thi lấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3. Các đề xuất của sinh viên tham gia nghiên cứu đưa ra là giáo viên có thể cung cấp cho sinh viên nguồn ngữ liệu này bằng cách giao thêm bài tập về nhà, tăng cường các hoạt động rèn luyện kỹ năng kiến thức trên lớp học hay đơn giản là chỉ giới thiệu nguồn ngữ liệu cho sinh viên tự nghiên cứu.

Động cơ học tập được xem là yếu tố tích cực góp phần vào sự thành công của sinh viên trong quá trình học [11, 25], nhưng động cơ học tập không đủ mạnh lại là khó khăn cuối cùng được liệt kê bởi các sinh viên tham gia nghiên cứu. Các sinh viên đề cập:

*Em học tiếng Anh là chỉ để có thể làm tốt bài thi B1 và được cấp giấy chứng nhận để tốt nghiệp ở trường em (SV18).*

*Ngành của em liên quan đến đất và rừng nên em không cần phải học tiếng Anh tốt (SV5).*

*Việc em làm trong tương lai không dùng tiếng Anh ạ (SV16).*

*Tiếng Anh là môn học bắt buộc nên em phải học (SV7).*

Khi được hỏi tại sao thiếu động cơ học tập lại là khó khăn trong việc đạt chuẩn đầu ra thì sinh viên chia sẻ thêm:

*Vì nếu không hứng thú thì sẽ khó tập trung và học không tốt nên sẽ làm bài không tốt, và làm bài không tốt thì sẽ không đạt B1, và không đạt B1 thì không đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên (SV12).*

*Không có động cơ học tập thì em cũng không dành thời gian nhiều cho môn học và cũng không tìm cách để đạt được kết quả tốt nhất (SV12).*

Sáu phần trăm số sinh viên tham gia nghiên cứu không liệt kê bất kỳ khó khăn nào không phải họ không có khó khăn mà vì họ còn khá mơ hồ về nội dung chương trình học để đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3. Những sinh viên này đến lớp chỉ vì phải đến lớp để học nên họ

trả lời “*em cũng không biết nữa*” khi được hỏi lý do tại sao không thể đề cập những khó khăn mà họ gặp phải.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho câu hỏi thứ hai cho thấy rằng sinh viên gặp phải một số khó khăn nhất định trong quá trình học để đạt chuẩn đầu ra. Nắm bắt kịp thời những khó khăn này của sinh viên giúp giáo viên có điều chỉnh kịp thời nhằm hướng đến triển khai hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá hướng đến đạt được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của học phần tiếng Anh B1.

#### **4.3. Những kiến nghị từ sinh viên nhằm đạt được chuẩn đầu ra**

Bên cạnh việc trả lời các câu hỏi nhằm cung cấp thông tin về vai trò, khái niệm, mô tả và nội dung chương trình đạt chuẩn đầu ra đồng thời liệt kê những khó khăn thì thông tin từ phỏng vấn cho thấy sinh viên đã đưa ra những đề xuất mà theo họ sẽ giúp họ đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3. Những đề xuất này chủ yếu tập trung vào các điểm sau:

Một là, sinh viên cần được kiểm tra những nội dung kiến thức được học trên lớp. Trong trường hợp định dạng của bài kiểm tra và thi kết thúc học phần khác so với nội dung trong giáo trình thì sinh viên cần được giới thiệu, cung cấp nhiều bài tập tương thích hơn, tạo nhiều cơ hội hơn để thực hành các dạng thức bài tập này. Phần luyện tập này nên chia đều cho các kỹ năng vì “*em còn yếu các kỹ năng*” hay “*em nghe chưa được, viết chưa đúng*” hay “*em thiếu từ vựng cho kỹ năng Nói*”. Hai là, sinh viên cần được cung cấp các thông tin phản hồi về các hoạt động tham gia trên lớp học kịp thời để có thể nhìn thấy được ưu và nhược điểm, từ đó tự điều chỉnh, đưa ra kế hoạch học tập phù hợp hướng đến đạt chuẩn đầu ra. Ba là, sinh viên cần được cung cấp nhiều thời gian hơn để hoàn thành các nội dung bài tập để hiểu rõ hơn nội dung thay vì chỉ nhận câu trả lời đúng.

Từ những đề xuất trên của sinh viên tham gia nghiên cứu thì có thể thấy rõ ràng rằng, đối với sinh viên, đạt chuẩn đầu ra đồng nghĩa với cần phải rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết để có thể làm tốt bài thi chứng nhận đạt chuẩn chứ không phải là đạt được chuẩn kiến thức và kỹ năng mà người học cần có được sau khi hoàn thành một chương trình học.

Dựa trên dữ liệu thu được cho các nội dung chính của nghiên cứu, những đề xuất sẽ được đưa ra nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về chuẩn đầu ra, khắc phục được những khó khăn trong quá trình học nhằm đạt chuẩn và phần nào các kiến nghị được đáp ứng.

### **3. Kết luận và đề xuất**

Nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn ban đầu về nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh bậc 3. Về cơ bản thì dữ liệu thu thập được từ bảng hỏi

và phỏng vấn cho thấy sinh viên có nhận thức được tầm quan trọng của việc đạt chuẩn đầu ra; tuy nhiên, nhận thức về vai trò của chuẩn đầu ra chỉ giới hạn ở điều kiện để tốt nghiệp hoặc điều kiện để xin việc. Ngoài ra, sinh viên chỉ nắm được các yêu cầu rất chung chung về các đặc tả chuẩn đầu ra cho từng kỹ năng ngôn ngữ ở tiếng Anh bậc 3. Về nội dung chương trình học để đạt chuẩn đầu ra, nhận thức của sinh viên mới chỉ dừng lại ở mức độ đơn giản rằng đạt chuẩn đầu ra là đạt mức điểm quy định trong bài thi B1 chứ không phải là đạt được các đặc tả mô tả cho chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh. Nhiều khó khăn nảy sinh trong quá trình học để đạt chuẩn đầu ra như khối lượng chương trình học dài, chưa có sự tương quan giữa nội dung học và nội dung kiểm tra đánh giá, nguồn học liệu chưa đủ và phong phú và động cơ học tập không đủ mạnh. Trong đó sinh viên thấy khó khăn nhất đó là khối lượng chương trình học nặng so với thời lượng. Kết quả cho thấy việc đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 3 được xây dựng trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam theo quy định dành cho sinh viên đại học đã đặt ra nhiều thách thức cho cả người học lẫn người dạy.

Từ việc phân tích những kết quả thu được cho nghiên cứu này, người viết xin được đưa ra một số kiến nghị sau để nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về chuẩn đầu ra năng lực ngôn ngữ để chủ động hơn trong quá trình học nhằm đạt kết quả học tập tốt hướng đến mục tiêu đạt chuẩn. Thứ nhất là giáo viên nên chú trọng việc phổ biến nội dung của đề cương chi tiết của học phần đến tất cả sinh viên gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá và tài liệu học tập. Trong đó, đặc biệt làm rõ các mục tiêu cụ thể mà sinh viên cần đạt sau khi kết thúc mỗi học phần để sinh viên chủ động trong việc học và có định hướng xây dựng chiến lược học. Thứ hai là một diễn đàn cần được tạo ra để giáo viên chia sẻ kinh nghiệm trong việc cung cấp thông tin về chuẩn đầu ra, làm rõ nhận thức của sinh viên về chuẩn đầu ra để hướng đến nâng cao chất lượng dạy và học. Cuối cùng, việc tạo trang thông tin chính thống để cung cấp, trao đổi thông tin về việc học cho sinh viên, về tầm quan trọng của việc đạt chuẩn đầu ra thông qua các đặc tả chi tiết của từng bậc năng lực cũng nên được xem xét, từ đó tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo viên và sinh viên và tạo môi trường học tập hiệu quả hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Vân (2008). Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ*. 24, 22–37.
2. Hoàng Văn Vân (2010). *Dạy tiếng Anh không chuyên tại các trường Đại học ở Việt Nam – Thực tiễn và lý luận*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Huỳnh Thị Long Hà (2017). Chiến lược tự học và các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược tự học của sinh viên các lớp tiếng Anh bậc 3/6 tại trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế. *Thông báo khoa học, Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế*. Huế. Việt Nam.

4. Nguyễn Thiện Nhân (2008). Quyết định về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008–2020”. Được lấy từ [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=18&mod\\_e=detail&document\\_id=78437](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=18&mod_e=detail&document_id=78437), truy cập 12 tháng 3 năm 2018.
5. Nguyễn Văn Toàn (2013). Quyết định Ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên cấp chứng chỉ trong các chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế.
6. Nguyễn Vinh Hiến (2014). Thông tư Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT. Hà Nội. Được lấy từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDĐT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx>, truy cập 12 tháng 3 năm 2018
7. Brooks, S. (2014). Learning about learning outcomes: the student perspective. *Journal of Teaching in Higher Education*, 19(6), 721–733.
8. Byrne, M., Flood, B. & Willis. P. (2002). The relationship between learning approaches and learning outcomes: A study of Irish accounting students. *Accounting Education: An international journal*, 11(1), 27–42.
9. Cano, F. & Cardelle-Elawar, M. (2004). An integrated analysis of secondary school students' conceptions and beliefs about learning. *European Journal of Psychology of Education*, 19, 167–187.
10. Desveaux, S. (2013). Guided learning hours. Retrieved on August 20th, 2017, <https://support.cambridgeenglish.org/hc/en-gb/articles/202838506-Guided-learning-hours>.
11. Dörnyei, Z. & Ushioda, E. (2011). *Teaching and researching motivation (2nd Ed.)*. Harlow, England: Pearson Longman.
12. Ellis, R. (1994). *The study of second language acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
13. Forbes, H., Duke, M., & Prosser, M. (2001). Students' perceptions of learning outcomes from group-based, problem-based teaching and learning activities. *Advances in Health Sciences Education*, 6 (3), 205–217.
14. Lizzio, A., Wilson, K., & Simons, R. (2002). University students' conceptions of the learning environment and academic outcomes: implications for theory and practice. *Studies in Higher Education*, 27(1), 27–52.
15. Mackey, A. & Gass, S. M. (2005). *Second language research. Methodology and design*. Mahwah, NY: Lawrence Erlbaum Associates.
16. Nguyễn Văn Huy & Hamid, M. O. (2015). Educational policy borrowing in a globalized world: A case study of Common European Framework of Reference for Languages in a Vietnam University. *English Teaching: Practice & Critique*, 14(1), 60–74.
17. Otter, S. (1992). Learning outcomes in Higher Education. *A Development Project Report*. London: Department for Education, Unit for the Development of Adult Continuing. Education (UDACE).

18. Phạm Thị Hồng Nhung (2015). Setting the CEFR B1 level as learning outcomes: Non-major student's voices. *Proceedings of Regional conference on Interdisciplinary Research in Linguistics and Language Education* (53–62). Hue. Vietnam.
19. Phạm Thị Hồng Nhung (2017). Applying the CEFR to renew general English curriculum: Successes, remaining issues and lessons from Vietnam. In F. O' Dwyer et al. (Eds.) *Critical, constructive assessment of CEFR-informed language teaching in Japan and beyond* (pp. 97–117). Cambridge: Cambridge University Press.
20. Phạm Thị Tuyết Nhung (2018). University students' perceptions of standard-based English language learning outcome. *International Journal of Language and Linguistics*, 7(6), 315–318.
21. Purdie, N. & Hattie, J. (2002). Assessing students' conceptions of learning. *Australian Journal of Educational and Developmental Psychology*, 2, 17–32.
22. Ramsden, P. (1992). *Learning to Teach in Higher Education*. London: Routledge.
23. Trigwell, K. & Prosser, M. (1991) Relating approaches to study and quality of learning outcomes at the course level. *British Journal of Educational Psychology*, 61, 265–75.
24. Walker, P. (2008). What Do Students Think They (Should) Learn at College? Students' perceptions of essential learning outcomes. *Journal of the Scholarship of Teaching and Learning*, 8(1), 45 – 60.
25. Zimmerman, B. J. & Schunk, D. H. (2001). *Reflections on theories of self-regulated learning and academic achievement*. In B. J. Zimmerman & D. H Schunk (Eds.), *Self-regulated learning and academic achievement: Theoretical perspectives*. Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum.

## NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERCEPTIONS OF LEARNING OUTCOMES

Nguyen Thi Hong Duyen

University of Foreign Languages, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem St., Hue, Vietnam

**Abstract.** On the implementation level of the National Foreign Language Project for the period 2008–2020, now extended to 2025 in Vietnam, Level 3 – Vietnam Foreign Language Proficiency Framework (B1-CEFR) has been set as the learning outcomes for non-English major students as a prerequisite to graduate from universities. This paper reports the findings from an investigation into students' perceptions of the learning outcomes and their difficulties in achieving these by using survey questionnaire and interview. The findings show that non-English major students are not fully aware of the learning outcome. The difficulties non-English major students faced are raised, and recommendations are also made to raise students' awareness of learning outcomes.

**Keywords:** nhận thức, chuẩn đầu ra, sinh viên không chuyên ngữ perceptions, learning outcomes, non-English major students